

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B16KDN_TRỪ KTẾ+KT&CN

TÊN HỌC PHẦN: LÝ THUYẾT XÁC SUẤT & THỐNG KÊ ĐỘT HỌC 4

MÃ HỌC PHẦN : STA - 151 TÍN CHỈ 3

Ngày thi: 27/10/2011

LẦN THI 1

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
1	162310381	Nguyễn Thị Thu	Hà	B16KDN	6		8.5		9				7.5	7.8	Báý pháý Tảỉ		
2	162320238	Phạm Thị Trường	An	B16KDN	8		9		9				4.5	6.4	Sầu pháý Bầú		
3	162320239	Trịnh Thị Hà	An	B16KDN	10		9		9.5				10	9.8	Chền pháý Tảỉ		
4	162320240	Doãn Thị Lan	Anh	B16KDN	7		0		0				V	0.0	Khắg		
5	162320242	Hoàng Trần Hải	Anh	B16KDN	8		8.5		8				8.5	8.3	Tảỉ pháý Ba		
6	162320246	Trương Thị Kim	Anh	B16KDN	8		8.5		9				7.5	8.0	Tảỉ		
7	162320247	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	B16KDN	10		9		9.5				9.5	9.5	Chền pháý Nằm		
8	162320248	Trịnh Minh Nhật	Ánh	B16KDN	10		8.5		9				5.8	7.3	Báý pháý Ba		
9	162320250	Phan Thị Thu	Diễm	B16KDN	10		8.5		9.5				7.5	8.4	Tảỉ pháý Bầú		
10	162320251	Nguyễn Thị	Diệu	B16KDN	6		0		0				V	0.0	Khắg		
11	162320253	Tạ Thị	Dung	B16KDN	10		8.5		7.5				8	8.1	Tảỉ pháý Mắủ		
12	162320258	Nguyễn Thị Thu	Hà	B16KDN	10		9.5		7.5				6	7.1	Báý pháý Mắủ		
13	162320261	Đinh Thị Hồng	Hạnh	B16KDN	10		10		9.5				6.5	8.0	Tảỉ		
14	162320263	Võ Thị Mỹ	Hạnh	B16KDN	8		10		7.5				7	7.5	Báý pháý Nằm		
15	162320264	Lê Thị	Hằng	B16KDN	10		8.5		9.5				8	8.6	Tảỉ pháý Sầu		
16	162320265	Trịnh Thị	Hằng	B16KDN	10		9		9.5				9	9.2	Chền pháý Hai		
17	162320266	Phạm Thị	Hân	B16KDN	10		8.5		9.5				8.5	8.9	Tảỉ pháý Chền		
18	162320267	Lê Thị	Hiền	B16KDN	9		8.5		9				6.5	7.6	Báý pháý Sầu		
19	162320269	Võ Thị Thu	Hiền	B16KDN	8		9		9				8	8.4	Tảỉ pháý Bầú		
20	162320271	Ngô Thị Minh	Hiếu	B16KDN	8		9		9				V	0.0	Khắg		
21	162320273	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	B16KDN	6		0		0				HP	0.0	Khắg		
22	162320283	Phạm Thiên	Hương	B16KDN	10		8.5		9.5				9	9.2	Chền pháý Hai		
23	162320284	Võ Thị Xuân	Hương	B16KDN	9		8		9				7.5	8.1	Tảỉ pháý Mắủ		
24	162320285	Trương Thị	Hường	B16KDN	10		8.5		7.5				9	8.7	Tảỉ pháý Báý		
25	162320287	Võ Thị	Kiều	B16KDN	7		8.5		9.5				9.5	9.2	Chền pháý Hai		
26	162320293	Ngô Thị Mỹ	Linh	B16KDN	8		10		8				9.5	9.0	Chền		
27	162320294	Huỳnh Thị Mỹ	Loan	B16KDN	7		0		8				HP	0.0	Khắg		
28	162320295	Nguyễn Thị Minh	Loan	B16KDN	9		9.5		7.5				5	6.5	Sầu pháý Nằm		
29	162320296	Phan Thị Hương	Loan	B16KDN	9		8.5		9				6.5	7.6	Báý pháý Sầu		
30	162320297	Phan Thị Kim	Loan	B16KDN	10		8.5		9				10	9.6	Chền pháý Sầu		
31	162320300	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	B16KDN	9		9		7.5				7.3	7.7	Báý pháý Báý		
32	162320301	Phạm Thị	Mai	B16KDN	10		9		7.5				8	8.2	Tảỉ pháý Hai		
33	162320304	Đoàn Thị Thanh	Nga	B16KDN	8		10		8				6.5	7.4	Báý pháý Bầú		
34	162320305	Phan Nguyễn Phương	Nga	B16KDN	7		8		8				4	5.7	Nằm pháý Báý		
35	162320306	Đào Nguyễn Thị Kim	Ngọc	B16KDN	7		8		8				7.8	7.8	Báý pháý Tảỉ		
36	162320309	Hà Lý Phúc	Nguyên	B16KDN	10		10		9.5				10	9.9	Chền pháý Chền		
37	162320310	Lê Thị Ánh	Nguyệt	B16KDN	10		10		7.5				8.5	8.6	Tảỉ pháý Sầu		
38	162320311	Lê Thị Thanh	Nhàn	B16KDN	10		9.5		7.5				5	6.6	Sầu pháý Sầu		
39	162320312	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	B16KDN	0		0		0				HP	0.0	Khắg		
40	162320314	Võ Thị Minh	Nho	B16KDN	10		8.5		9.5				9.5	9.5	Chền pháý Nằm		

Ngày thi: 27/10/2011

LẦN THI 1

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
41	162320315	Nguyễn Thị Nguyệt	Nhung	B16KDN	7		9		9				V	0.0	Khăng		
42	162320317	Trần Thị Cẩm	Nhung	B16KDN	10		8.5		9.5				10	9.7	Chèn pháy Baý		
43	162320318	Lê Thị Kim	Nhur	B16KDN	10		8.5		8				5	6.6	Sầu pháy Sầu		
44	162320320	Huỳnh Thị Ngọc	Oanh	B16KDN	6		0		0				HP	0.0	Khăng		
45	162320322	Nguyễn Phan Quỳnh	Phuong	B16KDN	9		10		8.5				8	8.4	Tầm pháy Bấu		
46	162320326	Nguyễn Thị Uyên	Sa	B16KDN	7		9		9				5.5	6.9	Sầu pháy Chèn		
47	162320332	Đặng Thị	Thảo	B16KDN	10		9.5		9.5				10	9.8	Chèn pháy Tầm		
48	162320334	Nguyễn Thị	Thảo	B16KDN	10		9.5		7.5				8	8.2	Tầm pháy Hai		
49	162320340	Trần Thị Hương	Thủy	B16KDN	8		9		8				6	7.0	Baý		
50	162320341	Lại Thị Thanh	Thúy	B16KDN	9		8.5		8				8.5	8.4	Tầm pháy Bấu		
51	162320342	Vũ Lê Thu	Thúy	B16KDN	10		10		9.5				10	9.9	Chèn pháy Chèn		
52	162320343	Lê Thị Thu	Thương	B16KDN	7		8		9				HP	0.0	Khăng		
53	162320346	Hoàng Thị Xuân	Trang	B16KDN	8		8		9				5	6.6	Sầu pháy Sầu		
54	162320348	Lê Thùy	Trang	B16KDN	9		9		7.5				5.5	6.7	Sầu pháy Baý		
55	162320349	Lương Thị	Trang	B16KDN	7		0		0				HP	0.0	Khăng		
56	162320350	Nguyễn Thị Huyền	Trang	B16KDN	8		8		9				5	6.6	Sầu pháy Sầu		
57	162320354	Khắc Nguyễn Thùy	Trâm	B16KDN	10		9		9.5				9.5	9.5	Chèn pháy Nằm		
58	162320355	Nguyễn Thị Lệ	Trâm	B16KDN	10		8.5		8				10	9.4	Chèn pháy Bấu		
59	162320358	Phạm Thị	Tuyền	B16KDN	10		9		9.5				9.5	9.5	Chèn pháy Nằm		
60	162320359	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	B16KDN	10		9.5		9.5				7.5	8.5	Tầm pháy Nằm		
61	162320360	Lê Hạnh	Uyên	B16KDN	7		9		9				10	9.4	Chèn pháy Bấu		
62	162320361	Trần Hoàng Phương	Uyên	B16KDN	10		8.5		9				10	9.6	Chèn pháy Sầu		
63	162320364	Trương Thị Tường	Vy	B16KDN	9		10		9.5				9.5	9.5	Chèn pháy Nằm		
64	162320365	Lê Hải	Yến	B16KDN	10		9		8				9.5	9.1	Chèn pháy Mất		
65	162320366	Lê Thị Hải	Yến	B16KDN	9		9		9.5				6	7.5	Baý pháy Nằm		
66	162320367	Nguyễn Thị Hải	Yến	B16KDN	10		8.5		9.5				7.5	8.4	Tầm pháy Bấu		
67	162330892	Trần Thị Hoàn	Trang	B16KDN	10		10		9				9	9.2	Chèn pháy Hai		
1	142327107	Nguyễn Hoài	Phuong	B14KTH2	10		10		8				7	7.9	Baý pháy Chèn		
2	142327119	Trần Thị	Thanh	B14KTH2	0		0		0				V	0.0	Khăng		
3	142337352	Đoàn Thị Mỹ	Hạnh	B14QTH2	10		8.5		9.5				7	8.1	Tầm pháy Mất		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	59	84%	
2	Số sinh viên nợ	11	16%	
TỔNG CỘNG :		70	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

TTĐT TỪ XA & T.XUYỀN
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 11 năm 2011
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Phạm Hồng Phương

TS. Hồ Văn Nhân

ThS. Nguyễn Hữu Phú